



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 15/2025

(08/04/2025 – 14/04/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Nhờ các chính sách thuế quan của tổng thống Mỹ Donald Trump, nền kinh tế toàn cầu lại trải qua một tuần lễ “tàu lượn siêu tốc”. Ngày 10/4 nước Mỹ bất ngờ tuyên bố hoãn áp thuế lên các đối tác thương mại (trừ Trung Quốc) trong thời hạn 90 ngày. Nhờ đó, các đơn hàng từ các quốc gia khác-Trung-Quốc đã, đang và sẽ nhanh chóng đổ dồn về Mỹ trước ngày 9/7 để tránh bị áp thuế cao. Có lẽ đây là giai đoạn hỗn loạn khi các chuyên gia đánh giá lượng container ghé cảng Mỹ giảm 67%, nay dồn dập trở lại báo động khả năng sớm tắc nghẽn cảng. Quyết định tạm hoãn thuế quan này cho thị trường một chút thời gian để thở xen lẫn bối rối. Dù sao đi nữa đây chỉ là quyết định tạm thời và với “cách làm việc đột ngột” của nước Mỹ thì chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tiếp tục đi xuống cho đến ngày 10/4, nước Mỹ thông báo tạm hoãn quyết định áp thuế 90 ngày thì các chỉ số mới chậm chạp nhích lên. Tuy vậy, trước những căng thẳng thương mại toàn cầu thì chỉ số BDI tuần qua đã giảm thêm 119 điểm (↓8,5%) còn 1.282 điểm. Cước và chỉ số thuê tàu các phân khúc vẫn chìm trong sắc đỏ, cụ thể: Capesize giảm 190 điểm (↓9,4%) còn 1.827 điểm, Panamax giảm 166 điểm (↓12,24%) còn 1.190 điểm, Supramax giảm nhẹ 29 điểm (↓3%) còn 936 điểm và Handysize giảm 29 điểm (↓4,78%) còn 577 điểm. Nhìn chung hiện nay hàng hóa khan hiếm và cước thuê tàu khá kém, tâm lý tiêu cực lan rộng. Sang thị trường mua bán, các giao dịch cũng bắt đầu sụt giảm đáng kể dấu cho lượng tàu đang chào ra thị trường ngày một nhiều (trong đó có thêm một vài vài tàu Nhật, vốn trước đây rất ít sẵn có trên thị trường). Dẫu vậy, Người mua giai đoạn này khá dè chừng và chủ yếu nghe ngóng diễn biến địa chính trị. Tuần qua ghi nhận 2 tàu Supramax già đóng Nhật bán. Cụ thể là tàu **Tamarack** (50.344 dwt, đóng 2003 Nhật, DD 06/2026, SS 01/2028) được chốt với giá khoảng 8,3 triệu đô la Mỹ. Tàu Supramax già còn lại là **Seavenus** (50.913 dwt, đóng 2000 Nhật, DD 08/2026, SS 08/2028) được chủ tàu Hy Lạp chốt với giá khoảng 6,3 triệu đô la Mỹ. Giá tàu **Seavenus** nhìn chung không cao nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Sirina** (50.170 dwt, đóng 2001 Nhật, DD 11/2025, SS 11/2027) được cùng chủ tàu bán tháng trước với giá khoảng 6,85 triệu đô la Mỹ. Đối với phân khúc 37k dwt, chủ tàu Đài Loan chốt tàu **Bunun Hero** (37.811 dwt, đóng 2015 Nhật) với giá khoảng 18,5 triệu đô la Mỹ - mức này rất cao trong thời điểm hiện nay dù tàu cận hạn đà (DD/SS 7/2025). Tàu khác là **Stradion** (36.863 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD/SS 01/2026) được bán với giá khoảng 13,5 triệu đô la Mỹ - mức này khá hợp lý trong thời điểm hiện nay.

Ngược lại, ở mảng tàu dầu/hóa chất tuần qua các chỉ số tích lũy tốt. Cụ thể chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng 36 điểm (↑3,27%) lên 1.137 điểm, là chỉ số cao nhất trong vòng 9 tháng kể từ tháng 7/2024. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng ghi nhận tăng 14 điểm (↑2%) lên 676 điểm. Tuy nhiên, trên thực tế Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã hạ dự báo nhu cầu dầu toàn cầu xuống còn 900.000 thùng/ngày (trước đó con số dự báo cho năm 2025 là 1,3 triệu thùng/ngày, tương đương giảm 30%). Thị trường lúc này tồn tại nhiều tín hiệu và khó để dự báo. Đối với mảng mua bán, tuần qua chỉ ghi nhận rải rác một vài giao dịch thành công. Do thị trường khó lường và nhạy cảm, Người mua cũng trở nên thận trọng hơn bao giờ hết. Quý

1/2025 kết thúc với doanh số sụt giảm của thị trường tàu dầu/hóa chất: chỉ có 95 tàu mua bán thành công, ↓35% so với cùng kỳ quý 1/2024 khoảng 130 tàu). Doanh số tàu VLCC bán trong quý 1/2025 khoảng 15 tàu, ↓25% so với cùng kỳ quý 1/2024 (khoảng 20 tàu). Riêng phân khúc MR chỉ ghi nhận khoảng 18 tàu bán trong quý 1, giảm 55% so với cùng kỳ quý 1/2024 (40 tàu). Tuy vậy, cũng trong quý 1 này các giao dịch tàu thuộc phân khúc Aframax/LR hay Suezmax cũng tăng lên nhưng có phần khiêm tốn, chưa phải xu hướng chung. Ở phân khúc MR, chủ tàu Ý chốt tàu chemical **PS Atene** (49.999 dwt, đóng 2018 Hàn Quốc, DD 08/2026, SS 09/2028) với giá khoảng 37,8 triệu đô la Mỹ. Mức này chưa thay đổi so với tàu chị em **PS Milano** (49.999 dwt, đóng 2018 Hàn Quốc, DD 07/2026, SS 07/2028) được cùng chủ tàu chốt cách đây hơn 1 tháng cho Người mua Hy Lạp với giá khoảng 37,5 triệu đô la Mỹ. Một tàu chemical 13k bán tuần qua là **Songa Kari** (13.148 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 04/2026, SS 03/2028) được chủ tàu Na Uy chốt với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Mức này giảm nhẹ nếu so với tàu **Owl 3** (13.153 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 01/2027, SS 07/2028) về tay Người mua Ấn Độ ba tuần trước với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Cape Acacia	2005	Japan	206,237	22.00	Undisclosed	DD due 08/2025, SS 08/2027
China Progress	2006	Japan	174,322	17.50	Undisclosed	DD/SS 06/2026
Shun Fu Da	2006	Japan	82,849	11.40	Undisclosed	DD/SS 05/2026
Maplegate	2019	Japan	63,449	62.50	Indonesian	DD 07/2029, SS 08/2029
Oakgate	2018	Japan	60,407			DD 01/2027, SS 11/2028
Amis Wisdom III	2011	Japan	61,527	17.50	Undisclosed	DD/SS 01/2026
Equinox Seas	2003	Croatia	52,009	8.45	Undisclosed	DD 04/2026, SS 05/2028
Tamarack	2003	Japan	50,344	8.30	Undisclosed	DD 06/2026, SS 01/2028
Seavenus	2000	Japan	50,913	6.30	Undisclosed	DD 08/2026, SS 08/2028
Bunun Hero	2015	Japan	37,811	18.50	Turkish	DD/SS due 07/2025, Taiwanese owners
Stradion	2011	Korea	36,863	13.50	Undisclosed	DD/SS 01/2026
TANKERS						
Eurohope	2007	Korea	306,506	46.25	Chinese	Cap 1, DD due 07/2025, SS 03/2027
P. Sophia	2009	Korea	105,071	36.05	Undisclosed	DD 11/2027, SS 09/2029
Sentinel	2006	Korea	50,546	Undisclosed	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS 06/2025
PS Atene	2018	Korea	49,999	37.80	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 08/2026, SS 09/2028, Italian owners

Songa Kari	2008	Korea	13,148	10.80	Undisclosed	DPP trading, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 04/2026, SS 03/2028, Norwegian owners
DH Glory	2020	China	13,121	20.50	Undisclosed	Auction sale, chemical IMO II, stainless steel, ice class II, DD/SS 11/2025 HK-based owners
CONTAINERS						
Burgundy	2008	Germany	42,566	29.00	Undisclosed	3246 teu, ice class II, DD 10/2026, SS 12/2028
Protostar N	2007	Germany	37,904	19.00	Undisclosed	2742 teu, ice class II, DD 08/2025, SS 04/2027
Torres Strait	2008	CSBC, Taiwan	22,314	17.00	CMA CGM	1713 teu, DD 08/2026, SS 07/2028
Tasman Strait	2008	CSBC, Taiwan	22,314	17.00		1713 teu, DD 06/2026, SS 05/2028
Halcyon	2007	Japan	12,480	10.10	Chinese	1102 teu, fully cellular, DD due 05/2025, SS 04/2027, Japanese owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	76.00	1%	1%	-1%	1%	60.00
180k dwt	5 tuổi	63.00	2%	2%	-2%	2%	44.00
170k dwt	10 tuổi	45.00	5%	5%	0%	6%	30.75
150k dwt	15 tuổi	28.50	9%	8%	0%	0%	19.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	1%	-4%	-8%	-10%	36.75
82k dwt	5 tuổi	32.50	2%	-4%	-12%	-12%	30.25
76k dwt	10 tuổi	25.00	2%	2%	-6%	-12%	21.00
74k dwt	15 tuổi	15.75	11%	3%	-10%	-17%	14.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.00	3%	-3%	-8%	-7%	34.75
58k dwt	5 tuổi	31.50	3%	-3%	-13%	-7%	25.75
56k dwt	10 tuổi	23.50	7%	1%	-6%	-11%	18.75
52k dwt	15 tuổi	15.25	7%	3%	-5%	-2%	12.75

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.00	0%	-4%	-3%	-3%	28.75
37k dwt	5 tuổi	25.50	0%	-3%	-7%	-7%	22.75
32k dwt	10 tuổi	17.75	4%	-7%	-13%	-11%	15.00
28k dwt	15 tuổi	12.00	9%	0%	-4%	-4%	9.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	144.00	-1%	-3%	-3%	1%	112.75
310k dwt	5 tuổi	112.00	0%	-2%	-3%	0%	85.75
250k dwt	10 tuổi	83.00	0%	-2%	-3%	-2%	61.00
250k dwt	15 tuổi	53.00	0%	-2%	-9%	-7%	43.75

SUEZMAX

160k dwt	Resale	94.00	0%	-3%	-5%	-5%	77.75
150k dwt	5 tuổi	77.00	4%	0%	-6%	-7%	60.00
150k dwt	10 tuổi	62.00	7%	3%	-7%	-8%	44.75
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	-9%	-13%	-11%	28.75

AFRAMAX

110k dwt	Resale	75.00	0%	-9%	-12%	-10%	65.00
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	-7%	-14%	-13%	51.00
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	-4%	-15%	-13%	37.75
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	-8%	-17%	-13%	25.00

MR

52k dwt	Resale	51.00	-2%	-4%	-14%	-7%	44.25
52k dwt	5 tuổi	41.00	0%	-2%	-16%	-10%	35.25
45k dwt	10 tuổi	31.00	0%	-3%	-23%	-17%	25.50
45k dwt	15 tuổi	21.00	-2%	-2%	-24%	-21%	17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
VLGC	88,000 cbm	124.00	1	Hyundai H.I.	EA Temile Nigeria	Feb 2028	
Tanker	310,000 dwt	-	1	NYK	Japan Marine United	Apr 2028	For long term employment to Idemitsu, methanol fueled
Tanker	158,000 dwt	81.25	4	Samsung	Centrolfin Greece	2028	Price per unit
Container	11,500 teu	2.300.00	10	Zhoushan Changhong	Zim	2027-2028	LNG dual-fuel capability
Cruise	2,100 cabin	2.200.00	2	Fincantieri	Aida Cruises (subsidiary of Carnival's German)	2030-2031	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	74.0	0.00%	-2.63%	-3.27%	8.03%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	-1.33%	-1.33%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	-0.72%	-1.43%	1.43%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	0.00%	-10.29%	-11.59%	-10.29%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	125.5	-0.79%	-3.10%	-3.10%	-2.72%
Suezmax (170.000 dwt)	88.0	-0.57%	-2.78%	-2.78%	1.74%
A.max (115.000 dwt)	74.5	-0.67%	-1.33%	-1.33%	6.47%
MR (56.000 dwt)	51.0	-4.81%	-4.81%	-4.81%	3.13%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường **Supramax** tuần qua tiếp tục đối mặt với một tuần đầy thách thức, chịu áp lực từ tâm lý thận trọng và sự bất ổn địa chính trị xuất phát từ Mỹ. Chỉ số cước trung bình trong tuần qua đóng cửa ở mức 11.871 đô la Mỹ, giảm 407 đô la Mỹ so với mức 12.278 đô la Mỹ của tuần trước. Nhu cầu thuê vẫn tiếp tục giảm ở khu vực Đại Tây Dương khiến thị trường ở đây chịu nhiều áp lực, trong khi Châu Á cho thấy sự cải thiện nhẹ ở một số khu vực nhưng thiếu động lực duy trì. Ở Thái Bình Dương, các chuyến backhaul và hàng từ Bắc Mỹ vẫn yếu ở phía Bắc, khiến giá cước thấp. Tuy nhiên, ở phía Nam, nhu cầu than đá từ Indonesia vẫn ổn định và là điểm sáng trong một khu vực nhìn chung có phần ảm đạm.

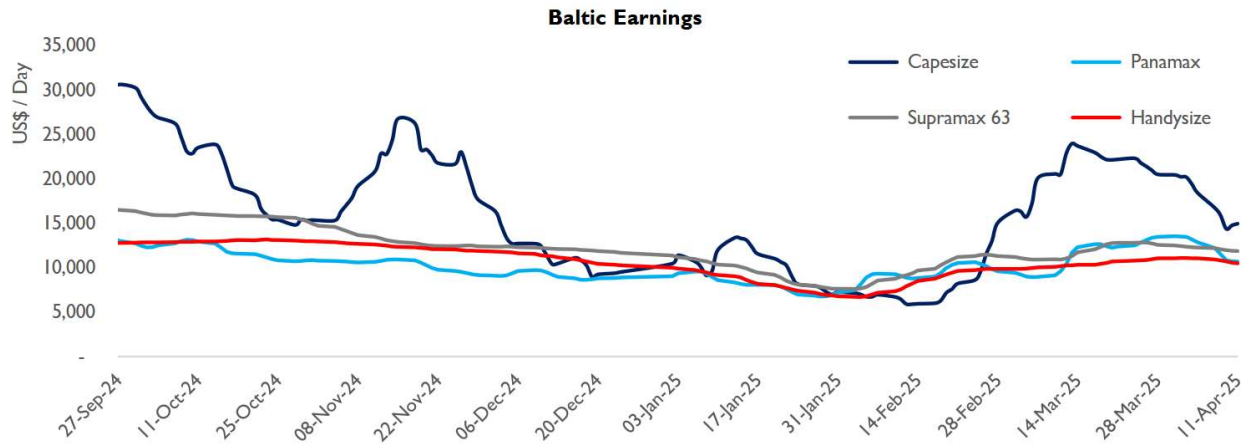
Đối với thị trường **Handysize**, đây cũng là một tuần khó khăn nữa ở cả hai lưu vực, với hoạt động giao dịch tối thiểu được ghi nhận. Chỉ số cước trung bình trong tuần qua đóng cửa ở mức 10.485 đô la Mỹ, giảm 542 đô la Mỹ so với mức 11.027 đô la Mỹ của tuần trước. Ở khu vực Continent và Địa Trung Hải, các chủ tàu cố gắng giữ giá ở mức cao, danh sách tàu neo chờ vẫn ngày càng dài hơn. Thị trường Vịnh Châu Mỹ vẫn chậm chạp, những tin tức từ Washington không giúp làm dịu căng thẳng cho cả chủ tàu lẫn người thuê tàu. Nam Đại Tây Dương hiện là khu vực sáng nhất, các hợp đồng thuê tàu đã ký kết ở mức tốt, nhiều chủ tàu tìm cách đưa tàu của họ đến khu vực này. Ở thị trường Handysize Thái Bình Dương, tâm lý tiêu cực tiếp tục với triển vọng không chắc chắn và giá cước nhìn chung tiếp tục giảm xuống dưới mức giao dịch cuối cùng. Danh sách tàu chờ cũng tăng lên với nhiều tàu chuyển hơn trên thị trường, kết hợp với việc thiếu hụt hàng hóa giao ngay, người thuê tàu đã bắt đầu giảm cước.

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 14/04/2025

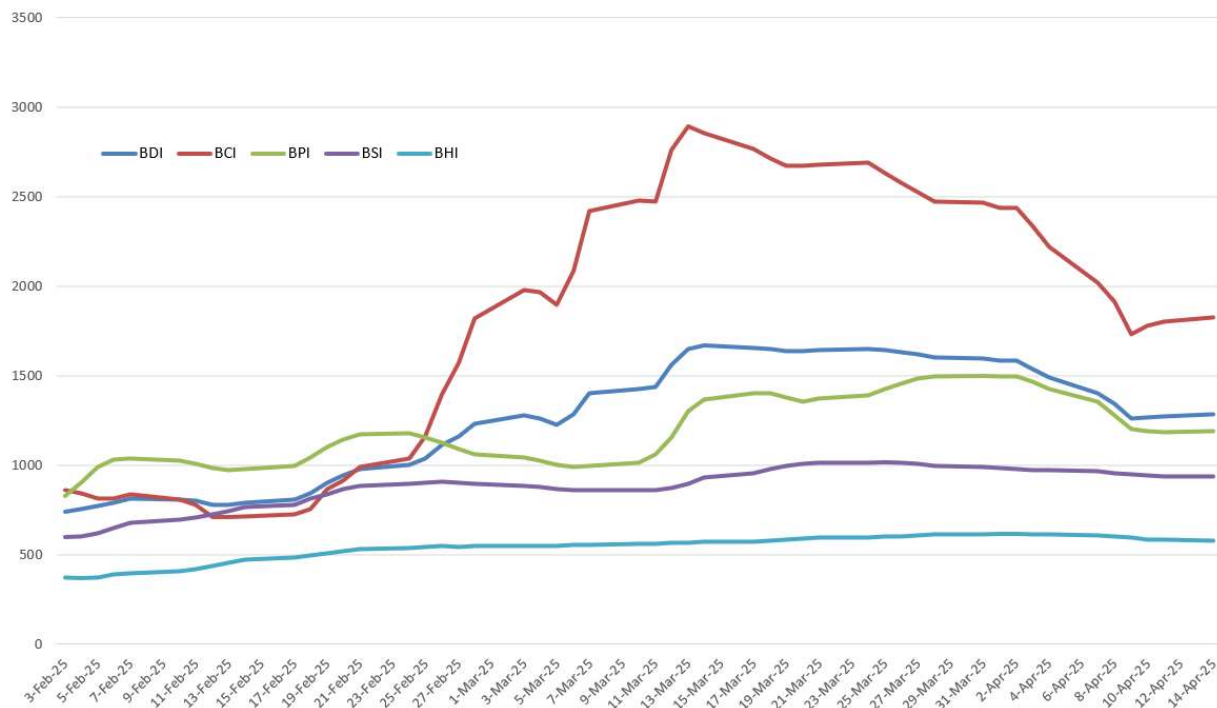
US\$/ngày ▼ / ▲

SUPRAMAX	9,837 ▼	407
HANDIES 38K	10,485 ▼	542

(so sánh với giá trị ngày 07/04/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô WTI giao dịch ở mức 61,67 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,14 đô la Mỹ/thùng trong phiên và giá dầu Brent giao dịch ở mức 65 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,12 đô la Mỹ/thùng. Ghi nhận, giá dầu tăng nhẹ khi thị trường được thúc đẩy bởi các thông tin miễn trừ thuế quan mới được Tổng thống Donald Trump đưa ra. Trung Quốc đã phục hồi hoạt động nhập khẩu dầu thô trước dự đoán nguồn cung từ Iran sẽ thắt chặt hơn.

Các chuyên gia nhận định, chính sách thương mại bất ổn của Mỹ đã tạo ra sự bất ổn cho thị trường dầu mỏ toàn cầu và thúc đẩy Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) hạ triển vọng nhu cầu lần đầu tiên kể từ tháng 12 năm trước. Trong báo cáo hằng tháng mới nhất của mình, nhóm OPEC dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng 1,3 triệu thùng/ngày trong năm nay, giảm 150.000 thùng/ngày so với dự báo của tháng trước và một trong những nhân tố khiến nhu cầu giảm đó là thuế quan thương mại.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông tiếp tục xu hướng trầm lắng. Cước vẫn giảm dần trong suốt cả tuần cho dù số lượng hàng hóa vào giữa tháng 4 khá ổn định. Nguyên nhân do số lượng tàu dư thừa trong khu vực vẫn quá cao. Đơn cử, cước cho tuyến MEG/Trung Quốc giảm xuống mức WS 54. Ngoài ra, các vấn đề thuế quan và lo ngại về nhu cầu dầu thô suy yếu cũng là những nguyên nhân chính khiến xu hướng chững lại. Khu vực Đại Tây Dương cũng không mấy tích cực, cước cho tuyến Tây Phi/Trung Đông giảm xuống mức WS 58

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	37,658	35,106	↓
USG/Trung Quốc	47,357	45,462	↓

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại thị trường Tây Phi hiện đang khá ảm đạm khi nhiều hợp đồng thuê bị hủy do tạm ngừng giao dịch khi Nga tiến hành kiểm tra đường ống dẫn dầu tại khu vực CPC. Mặc dù vậy, vào cuối tuần mức cước có sự phục hồi nhẹ. Đơn cử, cước cho tuyến CPC/Địa Trung Hải đang giữ nguyên mức WS 130.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	41,204	47,705	↑
Guyana / UKC	41,104	46,936	↑

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc Aframax tiếp tục có một tuần với nhiều biến động. Do ảnh hưởng từ các phân khúc lớn và sự trầm lắng từ thị trường Đông Nam Á, khu vực Trung Đông vẫn chưa ghi nhận được dấu hiệu tích cực nào. Tuy nhiên, cước vẫn đang khá ổn định. Bên cạnh đó, ở khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến USG/UKC được báo cáo tăng vào đầu tuần nhưng đến cuối tuần lại giảm và ghi nhận ở mức WS 190.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	53,626	52,590	↓
Med / Med	54,692	69,296	↑
USG / Cont	46,732	52,162	↑
EC Mex / USG	64,341	67,603	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

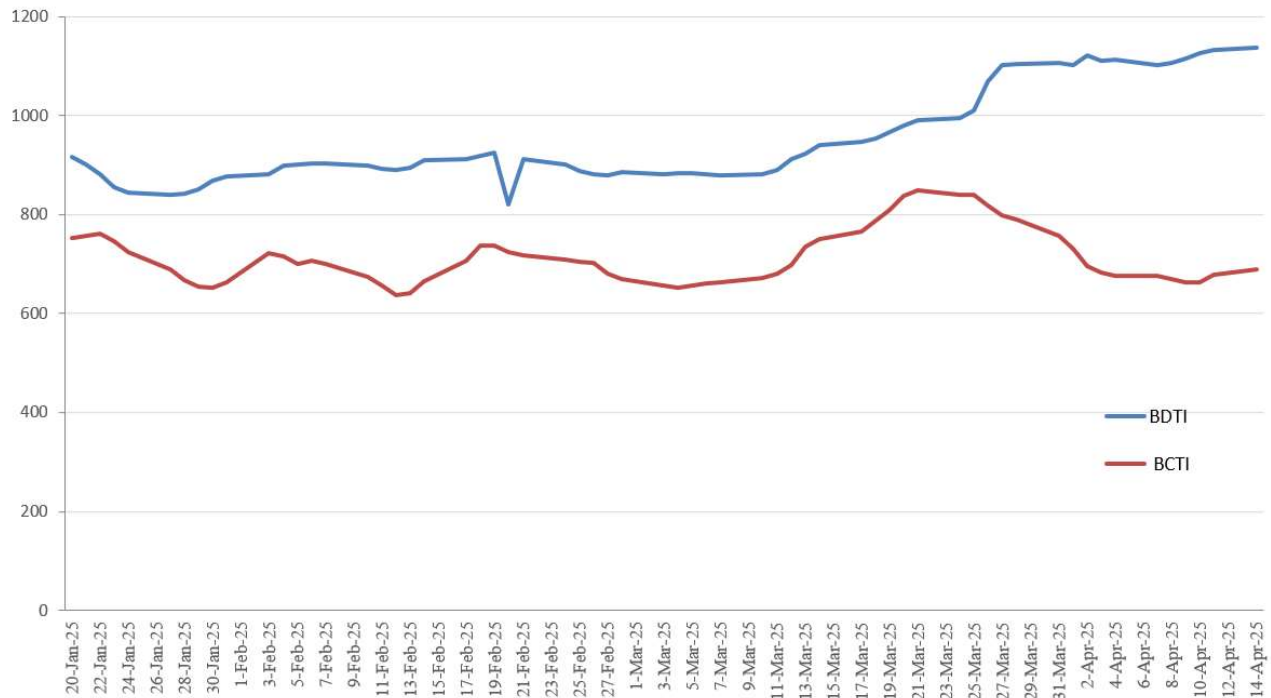
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Phân khúc tàu MR đã trải qua một tuần khá tích cực khi thị trường có xu hướng hồi phục nhẹ trong tuần vừa qua. Nguyên nhân do được hỗ trợ bởi các giao dịch kín hỗ trợ thị trường, cũng như sự ổn định của phân khúc Handy đã góp phần thúc đẩy cước theo chiều hướng tăng. Đơn cử, cước cho tuyến Med/TA được ký kết ở mức WS 162.5 và có nhiều khả năng sẽ tăng cao vào thứ hai nếu khối lượng hàng hóa tiếp tục tham gia vào thị trường. Bên cạnh đó, thị trường Handy có một tuần sôi động khi số lượng tàu có sẵn đang giảm mạnh. Tuy nhiên, tại khu vực USG, ghi nhận cả 2 phân khúc hoạt động khá trầm lắng kể từ giữa tuần trước, nguyên nhân do số lượng hàng hóa trên thị trường đang ở mức khan hiếm. Điều này dẫn đến số lượng tàu dư thừa trong khu vực tăng cao và cước đã giảm trong suốt tuần. Theo ghi nhận, cước cho tuyến USG/Caribs bắt đầu tuần ở mức 600.000 đô la Mỹ và kết thúc tuần ở mức 500.000 đô la Mỹ hiện đang được thỏa thuận. Trong khi đó, cước cho tuyến USG/UKC hiện đã giảm xuống mức WS 100.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Mặc dù giá nhiên liệu có xu hướng giảm nhưng cũng không có sự hỗ trợ quá lớn đến thị trường châu Á đang suy yếu như hiện tại. Các giao dịch đi hướng phía Bắc vẫn diễn ra âm ỉ, trong khi nguồn cung tàu đang ngày càng tăng tại khu vực Đông Nam Á. Ghi nhận một số ít đơn hàng cỡ 12.000 tấn và 18.000 tấn của Hengyi từ Muara đi trung Trung Quốc và 4-5.000 tấn của Petronas từ Kerteh đi nam-trung Trung Quốc. Cả hai người thuê đang có khá nhiều sự lựa chọn trong bối cảnh nguồn cung tàu dồi dào tại khu vực. Theo ghi nhận, mức cước 22-33 đô la Mỹ/tấn và 32-33 đô la Mỹ/tấn lần lượt được ghi nhận cho hai đơn hàng nói trên. Các giao dịch đi khu vực phía Nam cũng không mấy khả quan với một số ít các giao dịch chở MTBE/MEAC được ghi nhận. Tại khu vực Viễn Đông, nhu cầu từ thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm khiến cho nhu cầu cạnh tranh diễn ra. Ghi nhận, cước chở 10.000 tấn BTX từ Hàn Quốc đi Trung Quốc được ký kết quanh mức 20-23 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cọ, xu hướng thị trường có phần ổn định hơn một chút. 10.000 – 12.000 tấn vào ECI được ký kết với mức cước từ 25 – 26 đô la Mỹ/tấn. trong khi các lô hàng lớn hơn 15.000 – 18.000 tấn vào WCI/Pakistan được ký kết với mức cước từ 34 – 35 đô la Mỹ/tấn đến khoảng 30 đô la Mỹ/tấn. Tuy nhiên, với nguồn cung tàu dư thừa tại khu vực xếp đã cản trở chủ tàu trong việc đàm phán cước.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 15/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 14/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	50,000	48,000	46,000	49,500	47,500	46,000
SUEZMAX	34,500	33,000	33,000	34,500	33,000	33,000
AFRAMAX	29,500	29,000	27,500	30,000	28,500	27,000
LR-2	28,500	27,500	26,000	28,000	27,000	26,000
LR-1	23,000	22,000	21,500	23,000	22,500	21,500
MR	20,000	19,000	18,000	20,000	19,000	18,000
HANDY	18,000	17,000	16,000	18,500	17,000	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	445			465	▼	5	475	▼	5
2	Bangladesh	450	▼	5	470	▼	5	480	▼	5
3	India	440			460			470		
4	Turkey	280			290			300		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 15/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Auro	Tanker	2005	2,008	India	-	111,006	
Firstec	Woodchip	1997	7,952	-	425.00	34,074	As is Hong Kong
DSM Star	Bulker	2008	8,110	Pakistan	448.00	23,605	
Gluion	Container	1995	3,192	India	-	7,196	
Las	Container	1998	2,992	Turkey	300.00	7,147	
Irkutsk	GC	1979	1,604	Turkey	270.00	3,761	Tweendecker

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*